TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T; cư trú tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Minh V; ĐKTT: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội A, Phân trại số B, Trại giam X - Cục quản lý trại giam, cơ sở giáo dưỡng, trường giáo dục - Bộ Công an (địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng); vắng mặt tại phiên tòa (có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Minh V kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 29 tháng 6 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình anh V ở thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đỗ Minh V có hành vi cố ý gây thương tích cho người khác nên đã bị Tòa án nhân dân huyện A và Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; hiện tại anh V đang chấp hành án phạt tù tại Đội A, Phân trại số B, Trại giam X. Từ khi anh V chấp hành án phạt tù đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Nay chị Phạm Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Minh V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Đỗ Minh N, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2008 và Đỗ Ngọc U - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2011. Ly hôn chị Phạm Thị T đề nghị Tòa án giao các con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai ngày 08 tháng 11 năm 2019, bị đơn là anh Đỗ Minh V trình bày:

Về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn như chị Phạm Thị T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở tại thôn T, xã Đ. Quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn. Năm 2015, anh Đỗ Minh V có hành vi vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; hiện tại anh đang chấp hành án phạt tù tại Đội A, Phân trại số B, Trại giam X. Vợ chồng không quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Nay chị Phạm Thị T xin ly hôn, anh Đỗ Minh V có quan điểm nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị Phạm Thị T đã trình bày. Ly hôn, anh Đỗ Minh V đề nghị Tòa án giao các con chung cho chị T nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận. Sau khi anh chấp hành xong án phạt tù, anh sẽ đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn của chị Phạm Thị T và anh Đỗ Minh V; về con chung, giao các con chung Đỗ Minh N, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2008 và Đỗ Ngọc U - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2011cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, anh Đỗ Minh V có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đỗ Minh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Phạm Thị T và anh Đỗ Minh V kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Bản, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 29 tháng 6 năm 2007. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại không ai quan tâm, trách nhiệm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Minh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Minh V.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Đỗ Minh V có 02 con chung Đỗ Minh N, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2008 và Đỗ Ngọc U - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2011. Ly hôn chị Phạm Thị T và anh Đỗ Minh V đều có quan điểm, chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi các con chung; việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quan điểm của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Sau khi anh Đỗ Minh V chấp hành xong án phạt tù, nếu có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Đỗ Minh V.

2. Về con chung: Giao các con chung Đỗ Minh N, sinh ngày 01 tháng 02 năm 2008 và Đỗ Ngọc U - sinh ngày 22 tháng 8 năm 2011 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Phạm Thị T đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi

cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004504 ngày 25 tháng 11 năm 2019) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã Đ, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch